TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tấn Thành.
2. Bà Nguyễn Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thuý K - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng K1 - Sinh năm 1988 - Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện Y, tỉnh Long An - Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26-4-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thúy K trình bày:

Bà và ông K1 tổ chức đám cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 11-11-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và quản lý kinh tế, ông K1 bạo hành bà. Hiện bà và ông K1 đã ly thân từ tháng 4-2022 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K1.

Về nuôi con chung: Bà và ông K1 có hai con chung tên Nguyễn Trần Kỳ D, sinh ngày 03-6-2012 và Nguyễn Trần Kim T, sinh ngày 15-7-2016. Hiện hai con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông K1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24-6-2022, quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hoàng K1 trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ phần lời trình bày của bà K về ngày tháng, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẩn, thời gian ly thân, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Ông có đánh bà K nhiều lần nhưng không đánh nặng, hiện nay đã không còn đánh nữa.

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà Trần Thúy K.

Về nuôi con chung: Ông và bà K có hai con chung tên Nguyễn Trần Kỳ D, sinh ngày 03-6-2012 và Nguyễn Trần Kim T, sinh ngày 15-7-2016, hiện đang sống với bà K. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà K nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thúy K khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hoàng K1, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bà Trần Thúy K và ông Nguyễn Hoàng K1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 11-11-2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông K1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà K, đồng thời xét yêu cầu đoàn tụ của ông K1; Hội đồng xét xử nhận định: Bà K và ông K1 đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về nguyên nhân mâu thuẩn, tuy nhiên cả hai đã thống nhất vợ chồng xảy ra mâu thuẩn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, về quản lý kinh tế, ông K1 bạo hành bà K, cả hai đã sống ly thân và hiện tại vẫn ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẩn giữa bà K và ông K1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà K yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại

Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngược lại, ông K1 yêu cầu đoàn tụ nhưng không có giải pháp hữu hiệu nào để vợ chồng quay về sống chung, nên không được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Bà K và ông K1 thống nhất giao hai con chung tên Nguyễn Trần Kỳ D, sinh ngày 03-6-2012 và Nguyễn Trần Kim T, sinh ngày 15-7-2016 cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc bà K không yêu cầu ông K1 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[6] Về chia tài sản chung: Bà K và ông K1 trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về chia nợ chung: Bà K và ông K1 trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà K là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà K đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, các Điều 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thuý K được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng K1.

2. Về nuôi con chung: Bà Trần Thuý K được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Trần Kỳ D, sinh ngày 03-6-2012 và Nguyễn Trần Kim T, sinh ngày 15-7-2016, hiện hai con chung đang sống với bà K. Ông Nguyễn Hoàng K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K1 được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà K và ông K1 có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về chia tài nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thúy K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005224 ngày 02-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà K đã nộp đủ tiền án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12-9-2022).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Phú, huyện Bến Lức (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái